

XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO TỪ TRÊN CƠ SỞ CẤU TRÚC NGHĨA

PGS.TS ĐỖ VIỆT HÙNG

1. Đặt vấn đề

Xác định đặc điểm cấu tạo từ tiếng Việt là một trong những nội dung quan trọng trong Từ pháp tiếng Việt. Vấn đề này được dạy trong các sách giáo khoa *Tiếng Việt, Ngữ văn* từ tiểu học đến trung học phổ thông và được đề cập đến ở tất cả các giáo trình về từ vựng học tiếng Việt. Tuy nhiên, cho đến nay việc xác định cấu tạo từ tiếng Việt vẫn chưa thật sự thống nhất ở nhiều đơn vị, nhất là khi giữa chúng có những đặc điểm hình thức tương tự nhau. Để góp phần làm rõ bản chất các kiểu cấu tạo và chỉ ra vai trò quan trọng của các kiểu ý nghĩa trong việc tìm hiểu đặc điểm cấu tạo từ, chúng tôi chọn mô hình nghĩa của các từ ghép trong so sánh với các từ đơn để khảo sát và đưa ra giải pháp xác định cấu tạo từ xuất phát từ cách thức xác định nghĩa cho từ.

2. Mối quan hệ giữa kiểu ý nghĩa và kiểu cấu tạo từ tiếng Việt

2.1. Vài nét về cấu tạo từ tiếng Việt

2.1.1. Đơn vị cấu tạo từ trong tiếng Việt

Việc xác định đơn vị cấu tạo từ có vai trò quan trọng trong xác định

kiểu cấu tạo của từ. Người ta có thể căn cứ thuần túy vào các dấu hiệu hình thức như số lượng âm tiết. Theo đó sẽ có các từ một âm tiết và từ nhiều âm tiết. Tuy nhiên, việc phân loại từ dựa vào số lượng âm tiết không phản ánh đúng bản chất của việc cấu tạo từ. Việc cấu tạo từ không hoàn toàn nhằm đáp ứng các nhu cầu hình thức (tuy để tạo những cách nói mới, lạ hoá vẫn có sự cấu tạo nhằm vào nhu cầu hình thức nhưng những cách cấu tạo này phần nhiều mang tính cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu của cá nhân hoặc của nhóm người nào đó. Rất ít những trường hợp như vậy trở thành các từ ngữ toàn dân) mà đáp ứng nhu cầu gọi tên, tức nhu cầu về nghĩa. Nên đơn vị cấu tạo từ phải được xác định trên cơ sở nghĩa chứ không phải cơ sở hình thức.

Đơn vị cấu tạo từ trong ngôn ngữ được xác định là hình vị*. Về hình vị trong tiếng Việt có một số điểm sau cần chú ý:

Thứ nhất, hình vị trong tiếng Việt, với đặc điểm là một ngôn ngữ

.....

* Đơn vị cấu tạo từ của tiếng Việt trong các tài liệu khác nhau có thể có những tên gọi khác nhau.

không biến hình, chỉ thực hiện chức năng cấu tạo từ mà không có chức năng biến đổi từ như trong các ngôn ngữ châu Âu.

Thứ hai, ranh giới của hình vị trong tiếng Việt trong phần lớn trường hợp trùng với ranh giới của âm tiết. Nói cách khác, đại bộ phận âm tiết trong tiếng Việt đều có tư cách hình vị (tức đều có nghĩa). Có một số trường hợp cần bàn thêm về tính có nghĩa của hình vị tiếng Việt. Đó là, các hình vị lấy và các hình vị đã bị mờ nghĩa như: *đo* trong *đo đò*, *hầu* trong *dưa hầu*, *cộ* trong *xe cộ* v.v. (các hình vị *đò*, *dưa*, *xe* trong các từ trên đều có nghĩa, và tư cách hình vị của chúng là rõ ràng, không có gì phải nói thêm.). Để chứng minh tư cách hình vị các âm tiết trên, phải chỉ ra được tính có nghĩa của chúng. Việc xác định chính xác nghĩa (đưa ra lời giải nghĩa chính xác) của các âm tiết đó gặp không ít khó khăn, nhưng để khẳng định chúng là các đơn vị có nghĩa thì có thể sử dụng một cách chứng minh đơn giản, từ một công thức toán học:

Nếu $A + x \neq A$ thì $x \neq 0$.

Áp dụng vào các từ trên, dễ dàng nhận thấy: *đo đò* có nghĩa khác *đò*, *dưa hầu* có nghĩa khác với *dưa*, *xe cộ* có nghĩa khác với *xe* ($đo đò \neq đò$, $dưa hầu \neq dưa$, $xe cộ \neq cộ$), từ đó, suy ra, *đò*, *hầu* và *cộ* $\neq 0$, tức chúng có giá trị về nghĩa. Điều đó đủ khẳng định tư cách hình vị của những đơn vị trên.

Thứ ba, nếu coi hình vị là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa thì có những hình vị trong tiếng Việt lớn hơn một âm tiết, tức trong tiếng Việt tồn tại những

hình vị đa âm tiết, thí dụ các hình vị mượn từ các ngôn ngữ châu Âu, như: *cà phê*, *xi măng*, *cắt tóc*... và các hình vị thuần Việt như: *bỏ hóng*, *mở hôi*, *tắc kè*, *đu đủ* (*quả*), v.v..

2.1.2. Các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Việt

Cũng như nhiều ngôn ngữ trên thế giới, tiếng Việt sử dụng các phương thức cấu tạo từ như: từ hoá hình vị, ghép hình vị và lấy hình vị. Để phát triển từ vựng phục vụ nhu cầu gọi tên sự vật, hiện tượng trong giao tiếp, người Việt còn làm tăng nghĩa cho từ ngữ thông qua các phương thức chuyển nghĩa. Như vậy, ở góc độ nào đó (đáp ứng nhu cầu gọi tên sự vật, hiện tượng) các phương thức chuyển nghĩa cũng có thể được coi là các phương thức cấu tạo từ, nhưng từ góc độ kết quả thì phương thức chuyển nghĩa không cho kết quả là một từ mới cả về mặt âm thanh, trong khi đó, kết quả sử dụng các phương thức cấu tạo từ là các từ mới cả về mặt âm thanh lẫn mặt nghĩa. Và vì thế, các phương thức chuyển nghĩa không được liệt vào danh sách các phương thức cấu tạo từ.

2.1.3. Các kiểu cấu tạo từ tiếng Việt

Trong nhiều tài liệu nghiên cứu, các nhà khoa học Việt Nam khẳng định tiếng Việt có các kiểu từ được phân loại theo cấu tạo như sau:

- Từ đơn là những từ được cấu tạo theo phương thức từ hoá hình vị, và như vậy, từ đơn bao gồm 1 hình vị. (Vì có hình vị một âm tiết và hình vị nhiều âm tiết, nên cũng có các từ đơn một âm tiết - gọi là từ đơn đơn

âm và các từ đơn nhiều âm tiết - gọi là các từ đơn đa âm).

- Từ ghép là những từ được tạo ra theo phương thức ghép hình vị. Căn cứ vào quan hệ ngữ pháp giữa các hình vị, người ta chia các từ ghép thành: từ ghép chính phụ (từ ghép có các hình vị không bình đẳng với nhau về ngữ pháp - có hình vị chính và hình vị phụ) và từ ghép đẳng lập (từ ghép có các hình vị bình đẳng với nhau về ngữ pháp - không có hình vị chính, không có hình vị phụ).

- Từ láy là những từ được tạo ra theo phương thức láy hình vị, tức tác động vào một hình vị gốc về mặt âm thanh để tạo ra hình vị (một số hình vị) láy và kết hợp chúng lại với nhau để tạo thành từ. Dựa vào sự giống nhau giữa hình vị gốc và hình vị láy, người ta chia từ láy thành: từ láy toàn bộ (từ láy có các hình vị giống nhau toàn bộ, hoặc khác nhau về thanh điệu, hoặc khác nhau về các phụ âm cuối: *p - m, t - n, c - ng, ch - nh* và thanh điệu), từ láy bộ phận (từ láy có các hình vị giống nhau phụ âm đầu hoặc phần vần).

2.2. Cách giải nghĩa từ và việc xác định đặc điểm cấu tạo từ tiếng Việt

Những định nghĩa nêu ở mục trên là những căn cứ cần thiết để xác định kiểu cấu tạo từ tiếng Việt. Tuy nhiên, vì thuần túy dựa vào hình thức nên việc vận dụng các tiêu chí đó trong nhiều trường hợp gặp những khó khăn nhất định, và không phải lúc nào cũng dễ giải quyết.

Một trong những quan hệ cơ bản của ngôn ngữ là quan hệ đồng nhất và đối lập, nên việc xác định đặc điểm

của bất kì đơn vị nào của ngôn ngữ cũng phải dựa theo quan hệ đó. Vấn đề là lựa chọn sự đồng nhất theo tiêu chí nào để vận dụng. Những điểm nêu trong các định nghĩa trên cũng là những tiêu chí để tìm ra sự đồng nhất giữa các từ, về mặt cấu tạo. Tuy nhiên, như đã nói, đó là các tiêu chí thiên về hình thức, mà tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình với đặc điểm âm tiết tính (các âm tiết được phát âm tách rời nhau, viết rời nhau và đại bộ phận các âm tiết đều có nghĩa) nên trong nhiều trường hợp các đơn vị có cấu tạo khác nhau được nói, viết giống nhau, thí dụ: "Anh em có nhà không?" và "Chúng tôi coi nhau như anh em". Những trường hợp như vậy (và trong tiếng Việt không ít), nếu chỉ vận dụng các tiêu chí hình thức sẽ khó có thể xác định được đặc điểm cấu tạo của chúng.

Để có thể có được những kết quả phân loại từ tiếng Việt theo cấu tạo một cách chính xác hơn cần dựa thêm vào cách giải nghĩa của từng kiểu cấu tạo. Mỗi kiểu cấu tạo có cách giải nghĩa theo những mô hình riêng của kiểu cấu tạo đó. Có thể lấy từ ghép và từ đơn để minh họa cho những cách giải nghĩa từ (các mô hình nghĩa của từ).

2.2.1. Từ ghép

a) Từ ghép chính phụ

Nghĩa của từ ghép chính phụ (kí hiệu các hình vị là AB - A là hình vị chính, B là hình vị phụ) có tính phân nghĩa. Từ ghép chính phụ có hai mô hình nghĩa chính sau:

- Mô hình I: AB là từ ghép chính phụ phân nghĩa chi loại

AB có kiểu nghĩa: là một loại A + một số đặc điểm cụ thể nào đó. Thí dụ, *xe đạp, cá chép, chim sẻ, hoa hồng, ...*

Trong loại này có một tiểu loại ý nghĩa khá đặc biệt. So sánh ý nghĩa của *xe đạp* và *cá chép*, có thể thấy chúng cùng một kiểu cấu tạo (theo mô hình I), nhưng nếu ý nghĩa của các hình vị *xe* và *đạp* tách rời nhau, độc lập với nhau (không tồn tại nghĩa của hình vị này trong hình vị kia) thì đối với trường hợp *cá chép* - trong nghĩa của hình vị *chép* có chứa nghĩa của hình vị *cá*, vì thế ta có thể sử dụng rút gọn: *Một cân chép, một con chép* là đã đủ nghĩa của *một cân cá chép, một con cá chép*.

Trong một số tài liệu nghiên cứu, những trường hợp như *xe đạp* được gọi là từ ghép phân nghĩa biệt nghĩa, còn những trường hợp như *cá chép* được gọi là từ ghép phân nghĩa đẳng nghĩa (xem Đỗ Hữu Châu, 1996).

- Mô hình II: AB là từ ghép chính phụ phân nghĩa sắc thái

AB có kiểu nghĩa: là A với sắc thái nào đó. Thí dụ, *xanh rì, đồ hòn, trắng bốp, ...*

b) Từ ghép đẳng lập

Nghĩa của từ ghép đẳng lập (kí hiệu các hình vị là AB) có tính hợp nghĩa. Từ ghép đẳng lập có ba mô hình nghĩa chính như sau:

- Mô hình I: AB là từ ghép hợp nghĩa tổng loại

AB có kiểu nghĩa: là S nói chung (S là phạm trù mà cả A và B đều thuộc vào), thí dụ: *quần áo, ếch nhái, ...*

- Mô hình II: AB là từ ghép hợp nghĩa chi loại

AB có kiểu nghĩa: là A hoặc B nói chung, thí dụ: *chợ búa, làm ăn, ăn mặc, ăn nói, ...*

- Mô hình III: AB là từ ghép bao gộp

AB có kiểu nghĩa: A và B nói chung, thí dụ: *điện nước, ...*

2.2.2. Từ đơn

Đối với từ đơn - không tồn tại mô hình nghĩa chung. Việc giải nghĩa các từ đơn mang tính chất riêng biệt cho từng từ. Như vậy, các từ nhiều âm tiết nhưng không nằm trong các mô hình nghĩa chung như đã nêu trên (mục từ ghép) sẽ là các từ đơn, so sánh cách tìm hiểu nghĩa của các từ *bàn, ăn, chạy, xanh, ...* với *mỏ hôi, bỏ hóng, tắc kè, ...* sẽ thấy chúng có cùng một cách tìm hiểu nghĩa (phải tìm hiểu nghĩa của từng từ riêng biệt). Và do vậy, các từ đa âm tiết trong tiếng Việt có cách thức lĩnh hội nghĩa như các từ đơn thì phải quyết định chúng là các từ đơn đa âm tiết.

Các trường hợp như: *con chuột* (trong máy tính), *chân vịt* (bộ phận tàu thủy) v.v. được Đỗ Hữu Châu cho rằng có cấu tạo như từ ghép chính phụ và được xếp vào loại từ ghép chính phụ biệt lập (Đỗ Hữu Châu, 1996) - thực ra, nếu xem xét *con chuột, chân vịt* (khác với các nghĩa nêu trên, với các nghĩa bình thường của chúng, không thông qua phép ẩn dụ về nghĩa) về mặt hình thức, thì phải coi các trường hợp này là cụm từ (danh từ đơn vị + danh từ sự vật). Thêm vào đó, theo như cách lập luận trên: "*con chuột* - không phải là một loại con,

chân vịt - không phải là một loại *chân*”, thì khó có thể xếp chúng vào loại từ ghép chính phụ. Mặt khác, việc xác định nghĩa cho các từ này cũng theo cách xác định nghĩa cho các từ đơn. Theo đó, chúng tôi nghĩ nên xếp chúng vào các từ đơn đa âm.

3. Thay cho kết luận

Để xác định đặc điểm cấu tạo cho một đơn vị ngôn ngữ nào đó, không nên dựa thuần túy vào hình thức mà cần xuất phát từ đặc điểm nghĩa của chúng. So sánh hai đơn vị sau: *hạt dưa* và *hạt thóc*. Nhìn về mặt hình thức, hai đơn vị đó, về cơ bản, rất giống nhau. Nhưng chúng thuộc về các kiểu nghĩa khác nhau nên chúng thuộc về các kiểu cấu tạo khác nhau. Nếu *hạt dưa* có kiểu ý nghĩa mô hình I của từ ghép chính phụ (AB là một loại A + đặc điểm riêng nào đó - *hạt dưa* là một loại hạt,...); thì *hạt thóc* không có kiểu ý nghĩa đó (*hạt thóc* là *thóc* tồn tại ở dạng hạt - *hạt* là loại từ khi kết hợp với *thóc*, tương tự như các trường hợp *con gà*, *cái áo*,... Đó là cụm từ, do hai từ kết hợp với nhau - không phải từ ghép chính phụ.

Tương tự, một số trường hợp như: *bụng cóc*, *ngang cành búa*,... có hình thức cấu tạo rất giống với các từ ghép chính phụ nhưng chúng không

thuộc các kiểu nghĩa của từ ghép chính phụ như đã nêu mà thuộc về kiểu nghĩa khác, có tính so sánh: **AB có nghĩa: A như B** (*rẻ bèo = rẻ như bèo*). Đây là các thành ngữ so sánh.

Qua đó, có thể thấy vai trò quan trọng của các mô hình nghĩa trong việc xác định kiểu cấu tạo của một đơn vị ngôn ngữ nào đó. Điều này càng được khẳng định hơn khi thấy rằng, việc xuất phát từ nhu cầu biểu đạt nghĩa đến việc lựa chọn các hình thức (sử dụng đơn vị cấu tạo từ và phương thức cấu tạo từ) cấu tạo khác nhau của từ phản ánh đúng hơn bản chất của quá trình cấu tạo từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đỗ Hữu Châu*, Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng, Nxb GD, H., 1998.
2. *Đỗ Hữu Châu*, Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, Nxb ĐHQG, H., 1997.
3. *Nguyễn Thiện Giáp*, Từ vựng học tiếng Việt, Nxb GD, H., 1998.
4. *Mel'tzuk I.A.*, Kinh nghiệm trong lí thuyết các mô hình ngôn ngữ học “ý ↔ văn bản”, M; 1974, Tr. 52-140, (*Bằng tiếng Nga*).
5. *Hoàng Phê*, Phân tích ngữ nghĩa, T/c Ngôn ngữ, Số 2, 1975.